

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-PT  
Ngày 29 - 9 – 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Xuân Miến

*Các Thẩm phán:*

Ông N1 Thế Phương

Ông Đỗ Cao Khánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà N1 Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Đồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 91/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Văn N1, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1** – sinh năm 1981, tại tỉnh Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: Khóm 3, thị t, huyện U, tỉnh C .; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Công an xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 2581/QĐ-CAT-PX01 ngày 16/9/2019 của Công an tỉnh Cà Mau và bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ đảng theo Quyết định số 83-QĐ/UBKTHU ngày 24/10/2019 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy U Minh); Trình độ học vấn: Cử nhân luật; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N1 Văn Hiếu và bà Đỗ Thị Khuyên; Vợ Lữ Thị Lữ và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam.

2. Họ và tên: **Phạm Văn N1** – sinh năm 1972, tại tỉnh Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: Ấp 17, xã K, huyện U, tỉnh C .; Nghề nghiệp: Nguyên Công an viên

Công an xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (đã bị cho thôi việc theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An); Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Bình Thuận (Phạm Công Thuận) và bà Trương Thị Diễm; Vợ Lê Thị Tuyết và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1*: Ông Ngô Đình Chiến, Luật sư – Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; Ông Lê Thanh Thuận, Luật sư – Văn phòng Luật sư Lê Thanh Thuận thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Bị hại*: Ông Cao Văn D1 – sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp Minh Hà B, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Thanh T – sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 126, đường H3, Khóm 6, Phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Đặng Kim D2 – sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp An Phú, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

2. Ông N1 Chí D – sinh năm 1966; Nơi cư trú: Khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Lê Đào Vĩnh K – sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp 4, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Ngô Minh V – sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp 2, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

5. Ông N1 Trọng B – sinh năm 1992; Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau .;

Tại phiên tòa: Bị cáo H1, bị cáo N1, Luật sư Thuận, ông D1, ông T, ông K, ông V, ông B2 có mặt; Luật sư Chiến, ông D2, ông D3 vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nội dung của bản án sơ thẩm được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 23/5/2018, bà N1 Thị M đến Công an xã Khánh An trình báo: Cao Văn Nh (con trai ông Cao Văn D1) có hành vi giao cấu với Phan Như Q (con gái bà M). Tiếp nhận tin báo, Nguyễn Văn H1 (Trưởng Công an xã) phân công Đặng Kim D2 (Công an viên) đến hiện trường tại ấp 6, xã Khánh An kiểm tra vụ việc. Xác định nội dung tin báo là có cơ sở nên mời các đương sự về trụ sở Công an xã.

Tại Công an xã, Đồng lập biên bản tiếp nhận tin báo. H1 điện thoại báo cáo vụ việc qua Trục ban hình sự Công an huyện U Minh. Tiếp nhận tin, ông Lê Thanh T (Đội phó đội điều tra tổng hợp Công an huyện U Minh) gọi điện cho H1 kiểm tra vụ việc rồi gọi điện báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của ông N1 Chí D (Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh). Ông D3 chỉ đạo: Vụ việc không cấu thành tội phạm, do Nh chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không phân công lực lượng hỗ trợ Công an xã; Chỉ đạo ông T thông báo đến Công an xã lập biên bản giải quyết và giải thích cho hai bên gia đình không cho hai cháu kết hôn vì chưa đủ tuổi.

Tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của Công an huyện, Công an xã tiến hành lấy lời khai của Nh, Q và bà M. Lúc này, Phạm Văn N1 (Công an viên) đang trực tuần tra giao thông cùng với H1 về đến cơ quan, Nguyễn lấy số điện thoại của ông D1 từ Nhựt và gọi ông D1 lên trụ sở Công an xã để làm việc.

Nhận được tin, ông D1 đến trụ sở Công an xã thì gặp N1 và được N1 cho biết: Vụ việc là nghiêm trọng do Nh giao cấu với Q chưa đủ tuổi có thể bị tù tội và nói: Ông D1 lo “chạy chọt” cho Nh. Ông D1 nói: Ông không biết “chạy chọt” ra sao nên nhờ N1 hướng dẫn. Tại trụ sở Công an xã, thông qua N1, H1 nói: Ông D1 phải đưa 20.000.000 đồng để lo cho trên huyện vì vụ việc H1 đã báo về huyện rồi. Ông D1 nói: Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, xin H1 giảm tiền. H1 gọi điện thoại rồi thông báo số tiền ông D1 phải đưa 10.000.000 đồng và phải đưa liền thì mới cho hai bên gia đình hòa giải kết thúc hồ sơ. Sợ Nh bị bắt nên ông D1 đồng ý.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, ông D1 đem 10.000.000 đồng đưa trực tiếp cho N1 tại trụ sở Công an xã. Sau đó, N1 rủ ông Trịnh Văn U (Công an viên) đi từ trụ sở Công an xã đến quán Karaoke Biển Tình (địa chỉ tại ấp 6, xã Khánh An) để gặp Tg. Trên đường đi, ông U thấy trên gác ba ga xe máy của N1 có treo 01 bọc nylon màu đen nên ông U hỏi N1: Bọc gì? N1 nói: Đó là bọc tiền ông D1 nhờ N1 đưa lại cho Tg. Khi đến quán Karaoke Biển Tình, N1 và ông U đi vào phòng Tg đang ngồi, tay N1 cầm bọc nylon màu đen. Lúc này trong phòng có H1, Lê Văn N3 và Lê Thanh Tg.

Lời khai của N1: Sau khi uống 01 ly bia cùng cả nhóm, N1 và Tg đi vào nhà vệ sinh trong phòng Karaoke. Tại đây, N1 đưa bọc nylon màu đen nêu trên cho Tg mà không ai chứng kiến rồi cả hai đi trở ra. Lúc này, ông U và H1 nhìn thấy trong túi quần của Tg có 01 bọc nylon màu đen do bọc này dày và thò ra khỏi túi quần Tg. Sau đó, Tg uống 01 ly bia rồi từ giã ra về, còn N1 tiếp tục ngồi ăn uống cùng cả nhóm cho đến khi cả nhóm cùng về. Về đến trụ sở Công an xã, H1 hỏi N1: N1 đưa gì cho Tg tại quán Karaoke Biển Tình. N1 trả lời: Đưa tiền cho Tg.

Đến khoảng 10 giờ ngày 31/5/2018, N1 tiếp tục gọi điện cho ông D1 nói: Số tiền 10.000.000 đồng trước đó đã đưa cho “Sếp trên huyện” và đặt vấn đề với ông D1 gửi tiền bồi dưỡng cho Công an xã 5.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2018, ông D1 đến nhà ông Tô Quốc B1 (Bí thư chi bộ ấp 13, xã Khánh An) kể lại vụ việc và được ông B1 cho mượn 5.000.000 đồng cùng máy ghi

âm để đến Công an xã gặp N1, H1 đưa tiền. Tại đây, ông D1 mở điện thoại để ghi âm lại cuộc nói chuyện thì bị N1 phát hiện và lấy điện thoại đưa cho H1. H1 kêu ông D1 xóa các cuộc ghi âm. Ông D1 không mở máy được do không nhớ mật khẩu nên H1 đã đập điện thoại và đuổi ông D1 ra về. Do đó, việc giao nhận 5.000.000 đồng chưa thành. Ông D1 chạy ra báo lại ông B1 và cùng ông B1 đến gặp Chủ tịch UBND xã Khánh An trình báo vụ việc.

Tiếp nhận thông tin, Công an huyện U Minh phân công ông N1 Chí D và ông N1 Khắc Đ (Phó Đội trưởng Đội điều tra hình sự Công an huyện) đến nắm tình hình vụ việc; Tiến hành làm việc với ông D1 cùng những người có liên quan và thu các đoạn ghi âm do ông D1 cung cấp; Phối hợp với Đảng ủy, UBND xã tiến hành hòa giải thỏa thuận với ông D1 và ông B1.

Nội dung biên bản hòa giải ngày 14/6/2018 thể hiện: N1 có nhận của ông D1 số tiền 10.000.000 đồng, H1 có hành vi đập điện thoại của ông D1; H1 đại diện cho Công an xã khắc phục số tiền 15.000.000 đồng cho ông D1 (gồm 10.000.000 đồng N1 đã nhận của ông D1 và 5.000.000 đồng tiền sửa điện thoại); Ông D1 nhận đủ 15.000.000 đồng, không yêu cầu gì về sau.

Ngày 24/4/2019, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra Quyết định trưng cầu giám định số 18/VKSTC-C1(P10) gửi Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu giám định nội dung ghi âm và giám định giọng nói của những người liên quan trong vụ án. Ngày 11/6/2019, Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh (C.09B-BCA) có Kết luận giám định giọng nói số 2235/C09B gửi Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kết luận: “Xác định giọng nói trong file ghi âm chính xác là của ông H1, N1 và D1”. Nội dung các file ghi âm nêu trên đều thể hiện việc N1 hứa giúp cho ông D1 đảm bảo hồ sơ vụ việc của Nh được bảo lưu tại Công an xã.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Xử phạt:* - Nguyễn Văn H1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

- Phạm Văn N1 01 (một) năm tù về Tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Văn N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 bị cáo Nguyễn Văn H1, bị cáo Phạm Văn N1 có đơn kháng cáo kêu oan, nêu rằng: Các bị cáo không phạm tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H1 và bị cáo Phạm Văn N1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Lời bào chữa của luật sư: Đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh; Giao hồ sơ về điều tra, truy tố, xét xử lại với lý do: Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra vụ án là không đúng thẩm quyền. Vì, bị cáo H1 và bị cáo N1 không phải là những người phạm tội thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 20 – Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân. Về tội danh: Tại phiên tòa ông T xác định bị cáo H1 chỉ đạo vụ việc lập biên bản xử lý tại Công an xã là đúng thẩm quyền nên hành vi phạm tội của bị cáo không chuyển hồ sơ về Công an huyện xử lý không phải lạm dụng chức vụ, quyền hạn nên không vi phạm ở tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn mà vi phạm ở một tội phạm khác. Ngoài ra, còn nhiều vấn đề mâu thuẫn chưa được điều tra xác minh làm rõ, đó là: Lãnh đạo Công an huyện có hay không có phân công ông T xử lý vụ việc; Ông T có mặt tại Công an xã và xem hồ sơ là một điều bất thường; Thời điểm ông D1 cung cấp giấy tờ về năm sinh của Nh; Thời điểm H1, N1 kêu ông D1 lo tiền cũng như chứng cứ Tg truyền đạt ý kiến của ông D3 cho H1. Tất cả các vấn đề trên còn nhiều mâu thuẫn chưa được điều tra làm rõ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo H1, bị cáo N1 trong thời hạn luật định; Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 333 – Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xem xét, giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Khoảng 10 giờ ngày 23/5/2018, Nguyễn Minh Q (Phó Công an xã Khánh An) điện thoại cho H1 báo: Tại ấp 6, xã Khánh An xảy ra vụ việc là Phan Như Q tuổi còn nhỏ bỏ nhà đi cùng Cao Văn Nh, gia đình của Q tìm gặp, yêu cầu Công an giải quyết. H1 phân công Đặng Kim D2 đến nơi để xác minh vụ việc. Đến nơi, xác định có vụ việc xảy ra nên D2 mời Nh và Q về trụ sở Công an xã.

Tại Công an xã, H1 chỉ đạo cho Tr, D2 lập biên bản tiếp nhận tin báo, tiến hành ghi lời khai ban đầu của Nh, Q. Nh khai: Nh sinh ngày 16/9/2002; Bà M và Q khai: Q sinh ngày 22/11/2004. Nh và Q thừa nhận đã quan hệ tình dục với nhau.

Bị cáo H1 khai: Ngay khi tiếp nhận sự việc, bị cáo trực tiếp báo cho trực Ban hình sự Công an huyện hỗ trợ. Sau đó thấy không có lực lượng Công an huyện đến, bị cáo trực tiếp điện thoại cho ông N1 Chí D thì ông D cho biết là đã phân công Lê Thanh Tg. Đến khoảng 15 giờ thì Tg ra đến Công an xã, Tg trực tiếp xem

hồ sơ và chỉ đạo xử lý vụ việc. Còn việc N1 nhận 10 triệu đồng của ông D1 là theo yêu cầu của Tùng và N1 đã đưa tiền cho Tg.

Còn ông Tg khai: Sự việc trên ông D chỉ đạo là, Công an huyện không tham gia mà giao Công an xã giải quyết. Ông điện thoại cho H1 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của ông D ngay sau khi ông D chỉ đạo. Ông D không phân công ông tham gia giải quyết vụ việc. Tại trụ sở Công an xã, ông không tham gia giải quyết vụ việc. Ông không yêu cầu ai nhận tiền của ông D1 và cũng không có nhận tiền do N1 đưa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này phải điều tra, thu thập các chứng cứ để đủ căn cứ chứng minh và kết luận các vấn đề đó là: Tg có truyền đạt ý kiến chỉ đạo của ông D cho H1 hay không; Nếu có thì vào thời điểm nào, bằng hình thức nào. H1 có biết được chính xác độ tuổi của Nh và Q hay không; Nếu có thì vào thời điểm nào. H1 gợi ý ông D1 đưa tiền vào thời điểm nào, bằng hình thức nào. Tại trụ sở Công an xã, ông Tg có tham gia cùng Công an xã xử lý vụ việc hay không; Nếu có tham gia thì ông Tg tham gia với tư cách gì, động cơ và mục đích gì. Ông D1 đưa 10 triệu đồng cho N1 với yêu cầu hồ sơ phải được lưu tại xã, Nh không phải đi tù thì hành vi này có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Như vậy, có làm rõ các vấn đề trên thì vụ án mới được xem xét một cách khách quan, toàn diện. Song, tất cả các vấn đề trên lời khai của bị cáo, ông D1, ông Tg, nhân chứng có nhiều mâu thuẫn và thu thập chưa đầy đủ nên chưa đủ căn cứ vững chắc để kết luận. Cụ thể:

[2.1] *Nguyễn Văn H1 khai*: Ngay khi chỉ đạo Công an viên lập biên bản tin báo, H1 dùng điện thoại di động của H1 (số máy 0918.933.483) gọi cho trực Ban hình sự Công an huyện gặp Nguyễn Trọng B2 (Cán bộ điều tra tổng hợp) nghe máy. H1 báo sơ bộ nội dung vụ việc, ông B2 nói: Ông báo lại lãnh đạo. Nhưng sau đó không nhận được sự chỉ đạo từ Công an huyện nên H1 tiếp tục gọi vào máy trực Ban hình sự thì gặp Tg nghe máy. H1 báo cáo sơ bộ nội dung sự việc và có nói: Theo lời khai thì Nh 16 tuổi, Q 14 tuổi nhưng gia đình chưa cung cấp giấy tờ chứng minh độ tuổi. Tg nói: Để xin ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo. Nhưng sau đó H1 vẫn không nhận được ý kiến chỉ đạo của Công an huyện nên H1 điện thoại trực tiếp vào điện thoại di động của ông N1 Chí D xin ý kiến. Ông D trả lời: Đã phân công ông Tg. Sau đó, H1 điện thoại vào điện thoại di động của Tg thì Tg nói: Để Tg ra và Tg kêu nói với gia đình bên nhà trai kiếm 20 triệu đồng để Tg ra thương lượng. Nghe vậy, H1 kêu N1 nói lại với ông D1 nhưng ông D1 than khổ, chỉ có khoản 10 triệu đồng. H1 điện thoại báo lại với Tg, Tg đồng ý 10 triệu đồng. Khoảng hơn 15 giờ, Tg ra tới Công an xã.

*Lê Thanh Tg khai*: Khi nghe ông B2 báo lại vụ việc thì Tg dùng điện thoại di động của Tg (số máy 0945.922.392) điện thoại vào điện thoại di động của H1, H1 báo: Nh và Q đều dưới 16 tuổi nhưng chưa có giấy tờ chứng minh, việc quan hệ tình dục là đồng thuận. Tg yêu cầu Công an xã thu thập giấy tờ chứng minh độ tuổi. Sau đó, H1 điện thoại bằng điện thoại di động của H1 vào máy di động của

Tg báo là đã thu thập đủ giấy tờ chứng minh độ tuổi của Nh và Q. Sau đó, Tg dùng điện thoại di động của Tg gọi vào máy di động của ông N1 Chí D báo cáo lại toàn bộ nội dung vụ việc. Nghe xong, ông D nói: Vụ việc không có dấu hiệu tội phạm; Giao cho Công an xã giải quyết và giải thích cho hai bên gia đình không cho kết hôn. Tg liền dùng điện thoại di động của Tg điện vào điện thoại di động của H1 thông báo lại ý kiến chỉ đạo của ông D. Đến 13 giờ 30 phút, Tg bàn giao ca trực ban; Khoảng 15 giờ, Tg xin nghỉ phép về nhà, trên đường về nhà H1 điện thoại rủ Tg uống cà phê, thuận tiện trên đường về nên Tg ghé Công an xã gặp H1 uống cà phê (BL: 1179 – 1186).

*N1 Chí D khai:* Lê Thanh Tg báo cáo qua điện thoại là trên địa bàn xã Khánh An xảy ra vụ giao cầu. Cao Văn Nh quan hệ với Phan Như Q tại nhà trọ. Ông D chỉ đạo: Kiểm tra kỹ có đủ tuổi hay không; Nếu đủ tuổi mới tiếp nhận tin báo. Sau một lúc Tg gọi điện hỏi Công an xã thì gọi lại cho ông báo: Xã đã thu thập được Sổ Hộ khẩu và Giấy khai sinh của Nh và Q, xác định rõ ngày tháng năm sinh cụ thể, khẳng định chưa đủ 16 tuổi. Sau khi nghe, ông D xác định không cấu thành tội phạm, không phải là tin tố giác tội phạm nên không phân công Điều tra viên hỗ trợ. Đề nghị Công an xã lập biên bản giải quyết và giải thích cho gia đình hai bên không cho Nh và Q kết hôn (BL: 1235 – 1238, 1063 – 1064).

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của H1 và Tg mâu thuẫn với nhau về việc ai là người chủ động gọi điện thoại để trao đổi, và số lần gọi điện thoại cũng như thời điểm gọi điện thoại, Cụ thể: Lời khai của H1 thể hiện, từ khi Công an xã lập biên bản tin báo cho đến khi Tg ra đến Công an xã, Tg không điện thoại cho H1 lần nào; Còn H1 điện thoại cho Tg 03 lần. Lần thứ nhất, gọi vào máy trực Ban hình sự gặp Tg; Lần thứ hai và ba gọi vào máy di động của Tg. Còn Tg khai: H1 chỉ gọi cho Tg 02 lần, còn Tg gọi cho H1 02 lần. Cụ thể: Khi nghe Bạc báo cáo, Tg điện thoại cho H1 nắm lại sự việc và yêu cầu thu thập giấy tờ chứng minh độ tuổi; Sau đó, H1 điện thoại báo cho Tg là đã có giấy tờ chứng minh độ tuổi, Tg điện thoại báo cáo cho Ông D. Sau đó, Tg điện thoại cho H1 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của ông D. Trên đường về nhà thì H1 điện thoại cho Tg rủ ghé Công an xã uống cà phê.

Lời khai của H1 xác định có điện thoại trực tiếp cho ông D xin ý kiến chỉ đạo. Còn lời trình bày của ông D không thể hiện có việc H1 điện thoại cho ông và ông cũng không có điện thoại cho H1, chỉ có Tg gọi cho ông 02 lần. Cụ thể: Lần thứ nhất, báo cáo vụ việc xảy ra, ông chỉ đạo kiểm tra kỹ độ tuổi; Lần thứ hai, Tg báo đã có đủ giấy tờ chứng minh độ tuổi, lúc này ông chỉ đạo giao xã xử lý vụ việc; Còn lời khai của Tg thể hiện trong vụ việc trên Tg gọi điện thoại cho ông D có một lần.

Ngoài ra, Tg khai: Tg có truyền đạt ý kiến chỉ đạo của ông D cho H1 ngay sau khi nhận được ý kiến sự chỉ đạo của ông D; Còn H1 khai: không nhận được sự

chỉ đạo của ông D từ Tg mà Tg là người trực tiếp tại Công an xã chỉ đạo Công an xã lập biên bản xử lý vụ việc.

Như vậy, sự mâu thuẫn của các lời khai trên Cơ quan điều tra chưa thu thập, trích xuất lịch sử các cuộc gọi đi và đến từ máy điện thoại H1, Tg, D gọi và nghe vào thời điểm trên để đầu tranh làm rõ những vấn đề mâu thuẫn mà những vấn đề này có liên quan là những chứng cứ chứng minh các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án.

[2.2] Về thời điểm xác định được tuổi của Nh và Q:

Lời khai của Tg thể hiện: Ngay khi nhận được tin báo, Tg điện thoại cho H1 thì lúc này chưa có giấy tờ chứng minh; Nhưng trước khi Tg báo cáo với ông D thì H1 điện thoại cho Tg báo cáo là đã có giấy tờ hộ khẩu, khai sinh chứng minh chính xác độ tuổi của Nh, Q.

Còn H1 khai: Lúc điện thoại báo cáo cho Tg thì gia đình của Nh và Q chưa cung cấp giấy tờ chứng minh độ tuổi của Nh và Q. Còn việc gia đình của Nh, Q cung cấp hộ khẩu, giấy khai sinh vào lúc nào thì không biết.

Lời khai ông D1 tại biên bản đối chất với H1, với N1 vào ngày 10/9/2019 và ngày 14/11/2019 ông D1 đều xác định: Vợ chồng ông đến cơ quan Công an xã khoảng 15 giờ (BL: 1203, 374, 370, 1195). Tại phiên tòa ông D1 khai: Ông đến Công an xã khoảng 11 giờ.

Tại hồ sơ không có biên bản về việc giao nhận giấy tờ về hộ khẩu, giấy khai sinh của Nh, Q. Trong các chứng cứ có tại hồ sơ không thể hiện được thời điểm Công an xã nhận giấy khai sinh, hộ khẩu của Nh, Q. Cơ quan điều tra cũng không ghi lời khai người thân của Q về việc cung cấp giấy khai sinh của Q. Trong khi sự mâu thuẫn của các lời khai trên Cơ quan điều tra chưa điều tra xác minh, thu thập để chứng minh việc gia đình ông D1, gia đình bà M ai là người cung cấp Giấy khai sinh, Sổ Hộ khẩu? Cung cấp lúc mấy giờ? Ai là người nhận? để có đủ cơ sở kết luận lời khai của H1, Tg về vấn đề có liên quan chứng minh trong vụ án là lời khai nào phù hợp với thực tế khách quan của vụ án.

[2.3] Đối với việc ông Tg có mặt tại Công an xã Khánh An:

*Lời khai của Lê Thanh Tg:* Khi đến Công an xã, ông đi vào phòng làm việc của H1, nói chuyện với H1. Trong lúc nói chuyện thì Tr đem hồ sơ qua để trên bàn của H1. Thấy vậy, ông mở hồ sơ ra xem nội dung và giấy tờ chứng minh độ tuổi của Nh và Q thấy đúng như H1 báo cáo, xem xong ông không có ý kiến gì. Sau đó, ông và H1 ra căn tin uống cà phê với Ng và cả ba người cùng đi đến quán 999 và sau đó đến quán Karaoke Biển Tình.

*Lời khai của Đặng Kim D2:* Tg đến thì gặp H1 trao đổi với H1 tại quán cà phê khoảng 30 phút và có xem hồ sơ vụ việc. Tg chỉ đạo D2 làm việc với Nh nhưng D2 không làm mà Tr làm. Khoảng 15 giờ, Tg lại phòng làm việc của H1 và nói với D2: Khi nào hai bên gia đình thương lượng xong thì lập biên bản (BL: 1153, 1217 – 1218).



*Lời khai của Ngô Minh V:* Tg đến xã trực tiếp vào phòng làm việc của H1 khoảng 15 phút thì Tg đi ra tiếp xúc, nói chuyện với gia đình Nh và gia đình Q (BL: 1152, 1267).

*Lời khai của Phạm Văn N1:* Tg đến xã có gặp và làm việc với đương sự trong phòng làm việc của ông Ph (BL: 1002 – 1003).

*Lời khai của Nguyễn Văn H1:* Từng đến xã, lúc này H1 đang ngồi uống nước trước cửa phòng làm việc của H1. H1 kêu D2 đem hồ sơ lại, H1 đưa hồ sơ cho Tg nghiên cứu. Tg ngồi uống nước và xem hồ sơ; Tg cầm hồ sơ đến phòng làm việc của Ph nơi Công an viên đang làm việc với các đương sự. Đến gần 17 giờ, Tg vào phòng làm việc của H1 yêu cầu H1 cho người lập biên bản thỏa thuận 02 bên vì chưa đủ tuổi.

Như vậy, lời khai của D2 và H1 xác định Tg đến xã và tiến hành xem hồ sơ tại nơi uống nước; Hồ sơ do D2 mang lại, H1 đưa hồ sơ cho Tg. Còn Tg cho rằng, Tg xem hồ sơ tại phòng làm việc của H1; Xem hồ sơ là do thấy Tr đem qua để trên bàn của H1 tại chỗ Tg ngồi nên Tg mở ra xem.

Lời khai V, N1, H1 xác định Tg có trực tiếp làm việc với các đương sự tại phòng làm việc của Ph; Tg có chỉ đạo Công an viên xã lập biên bản làm việc với đương sự; Tg có chỉ đạo Công an viên xã lập biên bản thương lượng. Song Cơ quan điều tra chưa thu thập, xác minh làm rõ tại Công an xã thời điểm Tg đến xã thì gia đình của Nh, Q có những ai tham gia, người dân có những ai tham dự, họ chứng kiến việc giải quyết vụ việc tại Công an xã như thế nào? Cần phải điều tra thu thập chứng cứ để làm rõ những mâu thuẫn trong các lời khai trên để chứng minh có hay không tại Công an xã Từng chỉ đạo xử lý vụ việc.

[2.4] Vấn đề gia đình ông D1 và gia đình bà M thống nhất bồi thường.

*Tại cơ quan điều tra ông D1 khai:* N1 mời gia đình ông D1 và gia đình bà M hòa giải, kết quả: Gia đình bà M yêu cầu gia đình ông D1 bồi thường 01 con heo, 01 đôi bông và 20.000.000 đồng. Còn N1 không thừa nhận có làm việc gì với các đương sự vì không được phân công. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D1 khai do D2 chủ trì thương lượng và việc thương lượng bồi thường có lập biên bản và ông có ký tên vào biên bản.

Song, sự mâu thuẫn trên Cơ quan điều tra, chưa thu thập, xác minh làm rõ. Có hay không có sự thỏa thuận gia đình ông D1 bồi thường cho gia đình bà M 01 con heo, 01 đôi bông và 20.000.000 đồng. Nếu có việc thỏa thuận này thì có lập biên bản không. Ai là người chủ trì, giải thích về pháp luật để hai bên thống nhất sự thỏa thuận trên cũng như bà M thống nhất không yêu cầu xử lý hình sự, hành chính đối với Nh. Cơ quan điều tra cũng không làm việc với bà M và những người thân của Q. Vấn đề này có liên quan đến việc chứng minh tại Công an xã ai là người chỉ đạo xử lý vụ việc.

[2.5] Ngoài ra tại lời khai ông Phan Oanh L thể hiện: Trục ban hình sự thực hiện theo lịch trực ban lãnh đạo duyệt; Thời gian trực từ 13 giờ 30 phút ngày hôm

trước đến 13 giờ 30 phút ngày hôm sau giao ca. Tg cho rằng, Tg trực ban đến 13 giờ 30 phút ngày 23/5/2018 là giao ca trực ban. Nhưng cơ quan điều tra chưa thu thập chứng cứ về lịch trực ban tại Đội điều tra tổng hợp Công an huyện U Minh trong khoảng thời gian trên.

Sổ tiếp nhận tin báo của trực Ban hình sự thể hiện có tiếp nhận tin báo của Công an xã Khánh An; Tg là người chỉ đạo và xử lý tin. Như vậy, tin báo được ghi trong Sổ tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của Trực ban hình sự giao Tg xử lý tin báo thì khi giao ca trực ban hoặc các cuộc giao ban sau đó có được thông báo kết quả xử lý tin này không? Vấn đề này chưa được điều tra thu thập, chứng cứ để chứng minh làm rõ.

[3] Xét về tội danh:

Ông D3, ông T khai: Sự vụ trên ông D3 chỉ đạo Công an huyện không thụ lý tin báo mà giao Công an xã lập biên bản giải quyết. Tại phiên tòa ông T xác định, Công an xã xử lý vụ việc trên là đúng thẩm quyền.

Nếu cho rằng, bị cáo H1 chỉ đạo cho Công an viên lập biên bản xử lý vụ việc trên theo mệnh lệnh của cấp trên là đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn thì hành vi bị cáo không chuyển vụ việc về Công an huyện xử lý mà để lại Công an xã xử lý thì hành vi này chưa thỏa mãn các dấu hiệu khách quan của Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn. Bởi, hành vi của H1 không vượt quá thẩm quyền, không trái công vụ. Mặt khác, đối việc nhận 10.000.000đ của ông D1, H1 khai: H1 kêu N1 nói với ông D1 là Tg Công an huyện đòi 20 triệu để giải quyết vụ này được êm xuôi; Tg đồng ý chỉ lấy 10 triệu (BL: 215, 225).

N1 khai: H1 kêu N1 qua nói với ông D1 là huyện giải quyết vụ việc này 20 triệu để cho vụ việc ở xã không gửi hồ sơ lên huyện. Tg ở Công an huyện nhận vụ này là 20 triệu để giải quyết tại xã (BL: 215, 153).

Ông D1 khai: Kêu tôi lo tiền để được nhẹ tội, chớ con tôi tội nặng lắm. Nếu để hồ sơ này lại xã để xử lý thì phải đưa cho Sếp trên huyện 20 triệu tiền cà phê này nọ, con tôi không phải tù tội (BL: 962, 984, 306, 376, 1205).

Lời khai của các bị cáo, ông D1 đã chứng minh việc ông D1 đưa 10 triệu đồng là để giải quyết vụ việc của con ông D1 tại xã không chuyển về huyện xử lý theo sự mong muốn, yêu cầu của ông D1. Như vậy, các bị cáo chiếm đoạt 10.000.000đ có dấu hiệu thuộc về mặt khách quan ở tội phạm lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt. Do đó, cần phải điều tra, thu thập các chứng cứ như đã phân tích trên để có căn cứ vững chắc xác định đúng tội danh các bị cáo.

Từ nhận định trên, xét thấy chứng cứ có trong hồ sơ do Cơ quan điều tra thu thập còn nhiều mâu thuẫn và nhiều chứng cứ chưa được điều tra thu thập đầy đủ để có đủ cơ sở vững chắc kết luận chính xác về hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như những vấn đề có liên quan cần phải chứng minh trong vụ án như đã nêu trên. Nhưng những mâu thuẫn trong chứng cứ và những chứng cứ phải điều tra, xác minh thu thập cấp phúc thẩm không thể bỏ sung. Do đó, không chấp nhận đề nghị

của Viện kiểm sát, chấp nhận đề nghị của luật sư, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung.

Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét nội dung yêu cầu kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

[4] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 360 – Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh;

Giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra lại vụ án theo thủ tục chung.

- Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Cơ quan điều tra VKSND tối cao;
- Viện KSND huyện U Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Xuân Miến**